TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 919/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 9 - 2020
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP.HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Xuân Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Kim Hoa

2. Ông Huỳnh Minh Chánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 993/2019/TLST–HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 188/2020/QĐXXST–HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 172/2020/QĐST–HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Thúy K, sinh năm 1990
Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh G.

2. Bị đơn: Ông Trần Nhật T, sinh năm 1985
Địa chỉ: D13/14 Tổ Y, Ấp B, xã A, huyện C, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Ngô Thị Thúy K trình bày:

Bà và ông Trần Nhật T tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân năm 2007, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh G theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyển số 01/2008 ngày 01 tháng 09 năm 2008. Thời gian đầu bà và ông T chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T ăn chơi, cờ bạc, không có trách nhiệm với gia đình, không chăm lo vợ con. Bà có khuyên ngăn nhiều lần, nhưng ông T không thay đổi

nên từ đó bà bỏ về quê ở G sinh sống vào năm 2012 và quyết định nộp đơn ly hôn với ông T tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh vào năm 2018. Sau đó, bà và ông T hàn gắn tình cảm vợ chồng, chung sống lại với nhau nên bà rút đơn ly hôn và được Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 130/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2018.

Tuy nhiên, khi trở về chung sống thì ông T vẫn không thay đổi, vẫn còn ham mê cờ bạc, không chăm lo vợ con nên bà với ông T tiếp tục ly thân từ tháng 4/2019 đến nay. Từ khi ly thân đến nay, ông T không liên lạc với bà; ông T cũng không đến gặp bà để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện nay, bà đã đưa con về quê sinh sống tại tỉnh G. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T chung sống với nhau có 01 con chung tên Trần Thị Hồng Y, sinh ngày 05/3/2009, giới tính nữ, hiện đang sống chung với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà xác nhận bà và ông T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác nhận bà và ông T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Nhật T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông T vẫn vắng mặt, không rõ lý do; ông T cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà K nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Ngô Thị Thúy K vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T; yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; và xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Bị đơn ông Trần Nhật T vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Ngô Thị Thúy K yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Trần Nhật T. Đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn cư trú tại huyện Bình Chánh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Trần Nhật T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Tình.

[3]. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyển số 01/2008 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh G cấp ngày 01 tháng 09 năm 2008 thì hôn nhân giữa bà Ngô Thị Thúy K và ông Trần Nhật T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo lời bà K trình bày thì bà và ông T phát sinh mâu thuẫn từ năm 2012, nguyên nhân là do ông T ham mê cờ bạc, không có trách nhiệm với gia đình. Bà đã nộp đơn ly hôn với ông T tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh vào năm 2018, nhưng sau đó bà đã rút đơn để hàn gắn tình cảm gia đình và được Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 130/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2018. Tuy nhiên, khi trở về chung sống thì ông T vẫn không thay đổi, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông T.

Đối với ông T, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông T vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản hồi về việc yêu cầu ly hôn của bà K, chứng tỏ ông T không có thiện chí đoàn tụ.

Mặt khác, căn cứ kết quả xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà K và ông T tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh thì Ủy ban nhân dân xã chưa giải quyết mâu thuẫn về hôn nhân giữa bà K và ông T.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà K và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên việc bà K xin ly hôn với ông T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2]. Về con chung: Bà K xác định bà và ông T có một con chung tên Trần Thị Hồng Y, sinh ngày 05/3/2009, giới tính nữ, hiện đang sống chung với bà K. Khi ly hôn, bà K yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, trẻ Y đã sống chung với bà K từ năm 2019 cho đến nay và có nguyện vọng được sống chung với bà K sau khi cha mẹ ly hôn. Vì vậy

để bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con chung cần giao trẻ Y cho bà K được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà K không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[3.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà K trình bày bà và ông T không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Ngô Thị Thúy K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Ngô Thị Thúy K đối với ông Trần Nhật T.

Bà Ngô Thị Thúy K được ly hôn với ông Trần Nhật T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyển số 01/2008 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh G cấp ngày 01 tháng 09 năm 2008 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao 01 con chung tên Trần Thị Hồng Y, sinh ngày 05/3/2009, giới tính nữ cho bà Ngô Thị Thúy K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà K không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con chung có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi người không trực tiếp nuôi con đến thăm nom, chăm sóc con chung. Không ai có có quyền cản trở quyền thăm nom con chung.

Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con khi cần thiết đôi bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ngô Thị Thúy K xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Bà Ngô Thị Thúy K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0002829 ngày 05/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP HCM;
- VKSND H.Bình Chánh;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Xuân Hương